TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MỸ TÚ** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 07-3-2023
V/v không công nhận quan hệ vợ chồng, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỸ TÚ, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thu Hồng.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đặng Duy Tân.

Ông Lê Hoàng Điệt.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Khánh là thư ký Tòa án nhân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Tú tham gia phiên tòa: Bà Triệu Thị Mộng Lý– Kiểm Sát viên.

Trong ngày 07 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 152/2022/TLST-HNGĐ, ngày 02 tháng 11 năm 2022 về việc không công nhận quan hệ vợ chồng, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 01 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Kim H, sinh năm: 2000;
Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện P, tỉnh Hậu Giang (có mặt).
- Bị đơn: Anh Lê Tấn S, sinh năm: 1996;
Địa chỉ: ấp T, xã L, huyện M, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 30 tháng 9 năm 2022 cũng như trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn Nguyễn Thị Kim H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Kim H và anh Lê Tấn S vào năm 2016 có tổ chức lễ cưới nhưng không đi đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Hôn nhân của chị H, anh S là tự nguyện, không bị ai ép buộc. Sau khi kết hôn chị H, anh Svề nhà cha mẹ ruột của anh S tại ấp Tân Hòa A, xã Long Hưng,

huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng sinh sống. Khi sống với anh Sđược khoảng 05 đến 06 tháng thì phát sinh mâu thuẫn. Sau đó, chị H bỏ về nhà cha mẹ ruột của chị H tại ấp T, xã T, huyện P, tỉnh Hậu Giang sinh sống, thời gian này chị H đang mang thai. Nguyên nhân mâu thuẫn giữa chị H và anh Sdo khi kết hôn với anh Sthì chị H tuổi còn nhỏ nên khi sống với gia đình bên chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn, chị H và gia đình bên chồng không hòa thuận. Ngoài ra chị H và anh Smâu thuẫn trong chuyện tiền bạc, không tìm được tiếng nói chung trong đời sống vợ chồng, bất đồng về quan điểm sống, từ đó dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi vã. Khi chị H về nhà cha mẹ ruột sinh sống thì anh Scó đến thăm vài lần trong thời gian chị H mang thai, đến khi chị H sinh con từ năm 2018 đến nay thì anh Scó đến thăm chị H được 03 đến 04 lần. Hiện nay, chị H và anh Smỗi người đều có cuộc sống riêng, không ai quan tâm, chăm sóc cho ai. Nay chị H nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị H yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị H và anh Lê Tấn S.

Về con chung: Trong thời gian chung sống, chị H và anh Scó 01 (một) con chung tên Lê Nguyễn Nhã (sinh ngày 19-12-2018). Hiện nay đang sống với chị H. Sau khi ly hôn chị H yêu cầu được tiếp tục, trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Lê Nguyễn Nhã (sinh ngày 19-12-2018) cho đến khi cháu Nhã đủ 18 (mười tám) tuổi. Về cấp dưỡng nuôi con, chị H không yêu cầu anh Scấp dưỡng nuôi cháu Nhã, vì hiện nay chị đi làm có công việc ổn định, thu nhập hàng tháng hơn 5.000.000 đồng, đảm bảo đủ nuôi cháu Nhã nên không yêu cầu anh Scấp dưỡng.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị Nguyễn Thị Kim H tự khai, không có, không yêu cầu Tòa án xem xét.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Lê Tấn S trình bày:

Anh Sthống nhất lời trình bày của chị H về quan hệ hôn nhân anh chị chung sống với nhau vào năm 2016 nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Còn về mâu thuẫn thì anh Scho rằng vợ chồng không có mâu thuẫn, do chị H tự bỏ về nhà cha mẹ ruột tại ấp Tân Phú A1, xã Tân Phước, huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang sinh sống, khi chị H về nhà cha mẹ ruột sinh sống cũng như trong thời gian chị H mang thai và sinh con thì anh Scó đến thăm chị H. Trước yêu cầu của chị H về việc không công nhận giữa anh và chị H là vợ chồng thì anh Sthống nhất với yêu cầu của chị H.

Về con chung: Anh Sthống nhất với lời trình bày của chị H trong thời gian anh và chị H chung sống từ năm 2016 đến nay thì có 01 (một) người con chung tên Lê Nguyễn Nhã (sinh ngày 19-12-2018), hiện nay đang sống cùng với chị H tại ấp Tân Phú A1, xã Tân Phước Hưng, huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang. Sau khi ly hôn anh Syêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nhã đến đủ 18 (mười tám) tuổi, không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi cháu Nhã.

Về tài sản chung và nợ chung: Thống nhất với lời trình bày của chị H không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng trình bày ý kiến như sau:

Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã tiến hành các thủ tục tố tụng đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự như: Xác định đúng thẩm quyền thụ lý vụ án, quan hệ pháp luật tranh chấp, xác định đúng tư cách tham gia tố tụng của các đương sự, việc thu thập chứng cứ đúng theo quy định. Về thời hạn chuẩn bị xét xử được đảm bảo theo quy định. Về thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu, việc cấp tống đạt đảm bảo đúng theo quy định. Tại phiên Tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật về phiên tòa sơ thẩm.

Về nội dung vụ án: Đối với yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Kim H, về việc chị H yêu cầu không công nhận giữa chị H và anh Lê Tấn S là vợ chồng và chị H yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung tên Lê Nguyễn Nhã (sinh ngày 19-12-2018), không yêu cầu anh Scấp dưỡng nuôi cháu Nhã. Còn về tài sản chung, nợ chung chị H, anh Stự khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Kim H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về thủ tục thụ lý việc khởi kiện của nguyên đơn: Tòa án nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng nhận được đơn yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Kim H cùng tài liệu, chứng cứ kèm theo do nguyên đơn chị Nguyễn Thị Kim H nộp trực tiếp tại Tòa án. Ngay sau khi nhận được đơn khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ kèm theo, Tòa án thực hiện thủ tục nhận, xử lý đơn khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Kim H và thụ lý vụ án đúng quy định tại Điều 191 và Điều 195 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Kim H yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị Kim H và bị đơn anh Lê Tấn S cư trú tại ấp Tân Hoà A, xã Long Hưng, huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng. Căn cứ khoản 7, 8 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Hội đồng xét xử xác định việc Tòa án nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng thụ lý, giải quyết vụ án theo trình tự sơ thẩm là đúng quy định của pháp luật về thẩm quyền giải quyết vụ án.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Kim H và anh Lê Tấn S xác lập quan hệ vợ chồng trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức lễ cưới nhưng không đăng ký kết hôn theo đúng quy định pháp luật. Trong quá trình chung sống theo

chị H trình bày, chị H khi kết hôn với với anh Sthì lúc đó chị H tuổi còn nhỏ nên khi sống với gia đình bên chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn, chị H và gia đình bên chồng không hòa thuận. Ngoài ra chị H, anh Smâu thuẫn trong chuyện tiền bạc, không tìm được tiếng nói chung trong đời sống vợ chồng, bất đồng về quan điểm sống, từ đó dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi vã. Khi chị H về nhà cha mẹ ruột sinh sống thì anh Scó đến thăm vài lần trong thời gian chị H mang thai, đến khi chị H sinh con từ năm 2018 đến nay thì anh Scó đến thăm chị H và con được 03 đến 04 lần. Hiện nay chị H và anh Smỗi người đều có cuộc sống riêng, không ai quan tâm, chăm sóc cho ai. Nay chị Nguyễn Thị Kim H yêu cầu Toà án giải quyết tuyên bố không công nhận chị Nguyễn Thị Kim H và anh Lê Tấn S là vợ chồng. Còn anh Strong quá trình giải quyết vụ án, anh Scho rằng giữa anh và chị H không có mâu thuẫn gì, còn việc về nhà cha mẹ ruột sinh sống là do chị H tự bỏ đi, từ khi về nhà cha mẹ ruột sinh sống thì anh Scó đến thăm chị H và cháu Nhã. Nếu chị H kiên quyết yêu cầu không công nhận giữa chị H và anh Slà vợ chồng thì anh Sđồng ý.

Xét thấy, chị Nguyễn Thị Kim H, anh Lê Tấn S sống chung với nhau như vợ chồng vào năm 2016 có đủ điều kiện kết hôn nhưng không đăng ký kết hôn là vi phạm khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Mặc khác, theo khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 và khoản 4 Điều 3 của Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06 tháng 01 năm 2016 hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: *"Trường hợp nam nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không có đăng ký kết hôn và có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý giải quyết và tuyên bố không công nhận quan hệ hôn nhân giữa họ"*. Đối chiếu với trường hợp của chị H, anh Ssống chung với nhau như vợ chồng từ năm 2016 cho đến nay mà không có đăng ký kết hôn, nay có yêu cầu ly hôn, Tòa án không công nhận chị H và anh Slà vợ chồng. Nên việc chị H yêu cầu không công nhận quan hệ giữa chị H và anh Slà vợ chồng là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Xét yêu cầu của chị Nguyễn Thị Kim H được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Lê Nguyễn Nhã, sinh ngày 19-12-2018 đến đủ 18 tuổi. Hội đồng xét xử thấy, khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 có quy định: *"Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con"*. Nhận thấy, từ khi chị H và anh Ssống ly thân cho đến nay thì cháu Nhã đều do chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, về mặttâm lý cháu Nhã phát triển bình thường, được đi học đầy đủ. Từ những phân tích trên để đảm bảo cuộc sống cho cháu Nhã. Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị H giao cháu Nhã cho chị H được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu Nhã đủ 18 tuổi. Bị đơn anh Lê Tấn S được quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở anh Sthực hiện quyền này, theo quy định tại Điều 82 Luật

Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Khoản 2 Điều 82 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 quy định: *"Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con"*. Đáng lẽ ra, anh Slà người không trực tiếp nuôi các con thì phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, nhưng theo đơn khởi kiện cũng như tại tại tòa, chị H cho rằng chị có thu nhập ổn định mỗi tháng 5.000.000đồng/tháng, từ khi chị H, anh Ssống ly thân thì chị H luôn chăm sóc tốt về mọi mặt cho cháu Nhã và chị H không yêu cầu anh Scấp dưỡng nuôi con. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Kim H và anh Lê Tấn S tự khai không có tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu Toàn án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét.

[3] Xét đề nghị của Kiểm sát viên như đã nhận định nêu trên là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Kim H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 7, 8 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 266, Điều 271, Điều 273, Điều 278, Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Căn cứ khoản 4 Điều 3 của Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06 tháng 01 năm 2016 hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014

- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Kim H.

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận chị Nguyễn Thị Kim H và anh Lê Tấn S là vợ chồng.

2. Về nuôi con chung:

2.1 Giao con chung tên Lê Nguyễn N (sinh ngày 19-12-2018) cho chị Nguyễn Thị Kim H trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu Nhã đủ 18 tuổi.

2.2 Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Nguyễn Thị Kim H không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

2.3 Sau khi ly hôn, anh Lê Tấn S có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung tên Lê Nguyễn Nhã (sinh ngày 19-12-2018), chị Nguyễn Thị Kim H cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở. Anh Lê Tấn S không được lạm dụng việc thăm nom con chung để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Chị Nguyễn Thị Kim H và anh Lê Tấn S tự khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Kim H phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng theo biên lai thu tiền số 0005210, ngày 27 tháng 10 năm 2022 nguyên đơn chị Nguyễn Thị Kim H đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

5. Nguyên đơn có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết công khai để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo thủ tục phúc thẩm. Viện kiểm sát có quyền kháng nghị theo quy định của pháp luật.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (đã được sửa đổi, bổ sung), thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự (đã được sửa đổi, bổ sung); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận
- *Các đương sự;*
- *VKSND huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng;*
- *Chi cục THADS huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng;*
- *TAND tỉnh Sóc Trăng (Phòng KTNV&THA);*
- *Lưu hồ sơ vụ án;*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thu Hồng